

CHƯƠNG TRÌNH

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ, thiết bị giai đoạn 2018 - 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ GIAI ĐOẠN 2018 - 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình):

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) và các hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) trên địa bàn thành phố Cần Thơ chiếm trên 90% tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập của thành phố. Nhìn chung, các doanh nghiệp này có năng suất, chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh còn thấp, sản phẩm chưa có sức cạnh tranh cao trên thị trường vì quy mô doanh nghiệp nhỏ, thiết bị, trình độ công nghệ còn lạc hậu, thiếu vốn kinh doanh, đặc biệt là thiếu vốn để đầu tư đổi mới dây chuyền công nghệ và khó tiếp cận nguồn tín dụng. Bên cạnh đó, rất ít doanh nghiệp có bộ phận nghiên cứu phát triển do vậy việc cải tiến, đổi mới công nghệ, thiết bị là rất hạn chế.

Cơ cấu kinh tế thành phố Cần Thơ năm 2016: Khu vực nông nghiệp - thủy sản chiếm 9,32%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 32,53%; khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 58,15% GRDP. GRDP bình quân đầu người đạt 65,3 triệu đồng. Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp ước tăng 11,22%; Tổng vốn đầu tư trên địa bàn ước đạt 44.880 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển/GRDP đạt 54,5%. Tuy nhiên, công nghiệp hỗ trợ vẫn chưa phát triển. Đầu tư nghiên cứu phát triển của DNNVV chưa tương xứng với tiềm năng của doanh nghiệp toàn thành phố. ⁽¹⁾

Do gặp phải các khó khăn về quy mô sản xuất, hạn chế vốn đầu tư, ứng xử chậm với các thông tin khoa học, công nghệ... nên tốc độ đổi mới về công nghệ và thiết bị diễn ra còn chậm hoặc chuyển đổi không đồng bộ khiến hiệu quả đổi mới không cao, chưa đạt năng suất, chất lượng sản phẩm như kỳ vọng. Vấn đề đổi mới công nghệ và thiết bị tại các doanh nghiệp còn mang tính tự phát, đa phần doanh nghiệp chưa quan tâm đầu tư hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN), có rất ít doanh nghiệp có bộ phận nghiên cứu phát triển để xây dựng các chiến lược kinh doanh, mở rộng sản xuất của doanh nghiệp.

⁽¹⁾ Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Chương trình Đổi mới công nghệ hỗ trợ phát triển DNNVV thành phố Cần Thơ giai đoạn 2013 - 2017 do Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Cần Thơ phê duyệt ngày 20 tháng 12 năm 2013 đã hỗ trợ các doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh, đổi mới công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Bước đầu thành công trong công tác hỗ trợ DNNVV tại thành phố Cần Thơ và giúp doanh nghiệp có định hướng thay đổi công nghệ hiện tại của doanh nghiệp.

Để tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ phát triển DNNVV và các hợp tác xã nâng cao trình độ công nghệ, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động sản xuất; thúc đẩy việc tăng cường hàm lượng KH&CN trong các sản phẩm chủ lực của thành phố, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế. Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ, thiết bị giai đoạn 2018 - 2020.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017.

Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thông qua Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10 năm 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020;

Thông tư liên tịch số 79/2014/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố và cơ sở có sử dụng ngân sách Nhà nước;

Công văn số 1781/UBND-KT ngày 16/5/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chi thù lao giảng viên, báo cáo viên và hỗ trợ tiền ăn cho học viên.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Cải thiện năng lực công nghệ của các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường. Tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động sản xuất công nghiệp và tiêu thụ công nghiệp. Tăng hàm lượng khoa học công nghệ trong các sản phẩm chủ lực của thành phố, góp phần phát triển năng lực cạnh tranh của sản phẩm trong hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm của doanh nghiệp bằng hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị.

b) Hỗ trợ tối thiểu 24 doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nghiên cứu ứng dụng và đổi mới/hoàn thiện công nghệ, thiết bị, nghiên cứu phát triển sản phẩm, nghiên cứu chế tạo thiết bị và công cụ sản xuất, thuê chuyên gia tham gia các hoạt động nghiên cứu phát triển R&D, xây dựng hệ thống thông tin quản lý nguồn lực.

c) Tổ chức 04 hội thảo/hội thảo khoa học về quảng bá Chương trình; tổng kết chương trình; hội thảo khoa học về đánh giá thực hiện Chương trình; hội thảo khoa học cho khoảng 100 kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý của các doanh nghiệp về nghiên cứu phát triển, quản trị công nghệ và cập nhật thông tin về công nghệ, thiết bị mới.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm trong hội nhập quốc tế.

e) Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các nghiên cứu ứng dụng, khai thác ứng dụng vào thực tế.

g) Hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến, nâng cao năng lực công nghệ để hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm năng lượng.

h) Hỗ trợ 05 doanh nghiệp thành lập quỹ phát triển KH&CN để đa dạng nguồn kinh phí đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới/hoàn thiện công nghệ, thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm.

i) Tối thiểu 500 lượt doanh nghiệp được cung cấp các thông tin hỗ trợ từ Nhà nước, các thông tin về KH&CN cần thiết, phục vụ cho lĩnh vực quản lý, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

IV. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của công nghệ cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, tuyên truyền, phổ biến về những thành tựu khoa học công nghệ có thể ứng dụng, chuyển giao và sản xuất thử nghiệm nhằm nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp. Trong đó, đặc biệt chú trọng cung cấp thông tin đến doanh nghiệp thuộc địa bàn nông thôn.

2. Tổ chức hội thảo chuyên đề nhằm trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực cán bộ quản lý cũng như xúc tiến các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, hoàn thiện/đổi mới công nghệ, thiết bị, chuyển giao công nghệ.

3. Phối hợp tổ chức xúc tiến, thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, đổi mới/hoàn thiện công nghệ và chuyển giao công nghệ của các đơn vị sản xuất kinh doanh, các tổ chức KH&CN...

4. Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng đổi mới công nghệ, thiết bị tiên tiến (so với công nghệ hiện tại của doanh nghiệp), đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và tham gia các hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D), xây dựng hệ thống thông tin quản lý nguồn lực doanh nghiệp.

V. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

1. Đối tượng được hỗ trợ:

Đối tượng được hỗ trợ bao gồm hợp tác xã, DNNVV có địa chỉ hoạt động, địa chỉ lắp đặt công nghệ, thiết bị và quyết toán thuế tại Cần Thơ.

2. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa:

Theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng 01 trong 02 tiêu chí sau đây:

- a) Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng;
- b) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng.

Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ.

3. Điều kiện được hỗ trợ:

a) Doanh nghiệp phải hoạt động đúng ngành nghề đăng ký kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế theo quy định hiện hành của nhà nước.

b) Đối với doanh nghiệp đã hoạt động thực hiện phát triển lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hiện tại: việc thực hiện những đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng, hoàn thiện/đổi mới công nghệ, thiết bị, nghiên cứu phát triển sản phẩm, nghiên cứu chế tạo thiết bị và công cụ sản xuất, thuê chuyên gia tham gia các hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) phải có tính tiên tiến, tính hiệu quả, tính bền vững so với công nghệ, trình độ quản lý, khả năng tiếp cận thị trường hiện tại của doanh nghiệp.

c) Đối với doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp đầu tư phát triển lĩnh vực sản xuất, kinh doanh mới: Việc thực hiện những đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng, dự án đầu tư, chuyển giao công nghệ, thiết bị, nghiên cứu phát triển sản phẩm, nghiên cứu chế tạo thiết bị và công cụ sản xuất, thuê chuyên gia tham gia các hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) phải có tính tiên tiến, tính hiệu quả, tính bền vững so với mặt bằng chung cùng lĩnh vực tại thành phố Cần Thơ hoặc so với doanh nghiệp có trình độ sản xuất, kinh doanh tương đương.

d) Ưu tiên đối với đề tài, dự án có khả năng nhân rộng và tính khả thi cao.

e) Không hỗ trợ đối với các đề tài, dự án đang thực hiện bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

VI. DỰ KIẾN KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Kết quả khi kết thúc Chương trình Hỗ trợ DNNVV đổi mới công nghệ, thiết bị giai đoạn 2018 - 2020, sẽ đạt được kết quả sau:

a) Hỗ trợ tối thiểu 24 doanh nghiệp tham gia cải tiến, đổi mới công nghệ, thiết bị, nghiên cứu phát triển sản phẩm, nghiên cứu chế tạo thiết bị và công cụ sản xuất, thuê chuyên gia tham gia các hoạt động nghiên cứu phát triển, xây dựng hệ thống thông tin quản lý nguồn lực;

b) Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin về công nghệ, thiết bị phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, công nghệ tiên tiến thông qua các hội thảo, hội thảo khoa học;

c) Tổ chức hội thảo khoa học cho khoảng 100 kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý của các doanh nghiệp về nghiên cứu phát triển, quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới;

d) Hỗ trợ 5 doanh nghiệp thành lập và sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp nhằm đầu tư nâng cao năng lực và trình độ công nghệ;

e) Tối thiểu 500 lượt doanh nghiệp được cung cấp các thông tin hỗ trợ từ Nhà nước, các thông tin về KH&CN cần thiết, phục vụ cho lĩnh vực quản lý, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

VII. NGUỒN KINH PHÍ VÀ ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ

1. Nguồn kinh phí và nội dung chi:

a. Nguồn kinh phí:

- Khái toán tổng kinh phí thực hiện Chương trình là **14.000.000.000 đồng** (Mười bốn tỷ đồng)⁽²⁾ được chi từ nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ do UBND thành phố giao cho Sở KH&CN hàng năm. Trong đó:

+ Chi hỗ trợ doanh nghiệp: 12.000.000.000 đồng.

+ Chi phí các hoạt động chung của Chương trình: 2.000.000.000 đồng.

- Hàng năm, căn cứ nhu cầu chi cho Chương trình, Sở KH&CN lập dự toán và cơ cấu vào nguồn vốn chi sự nghiệp KH&CN gửi Sở Tài chính xem xét, cân đối trình UBND thành phố phê duyệt trong dự toán chi hàng năm của thành phố.

b. Nội dung chi: Chi các nội dung hoạt động chung của chương trình, bao gồm:

- Chi hỗ trợ doanh nghiệp;

- Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền về Chương trình, tổ chức vận động doanh nghiệp tham gia Chương trình; chi hoạt động thường xuyên, văn phòng phẩm; thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ;

⁽²⁾ xem Phụ lục

- Xây dựng, phát hành các tài liệu liên quan đến quản lý và thực hiện Chương trình;
- Chi tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, hội thảo khoa học, tập huấn, sơ kết, tổng kết thuộc Chương trình;
- Chi khảo sát hiện trạng doanh nghiệp trước khi xét duyệt, chi họp hội đồng xét duyệt, nghiệm thu, và kiểm tra tiến độ các dự án thuộc Chương trình;
- Chi thẩm định nội dung, tài chính, chi thẩm định giá;
- Chi tổ chức học tập kinh nghiệm, tham quan các mô hình cho thành viên Ban chỉ đạo Chương trình, tổ chức, doanh nghiệp;
- Thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban chỉ đạo Chương trình;
- Các chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động của Chương trình.

2. Định mức hỗ trợ:⁽³⁾

a) Hỗ trợ đến 30% kinh phí cho doanh nghiệp khi thực hiện dự án nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ, thiết bị, nghiên cứu chế tạo thiết bị và công cụ sản xuất. Mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.

b) Hỗ trợ đến 30% giá trị hợp đồng mua các bí quyết công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, thuê chuyên gia tham gia các hoạt động nghiên cứu phát triển R&D, xây dựng hệ thống thông tin quản lý nguồn lực. Mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/hợp đồng.

c) Trường hợp đặc biệt, mức hỗ trợ tối đa đến 30% và không quá 1 tỷ đồng đối với các dự án đầu tư, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, dự án có ảnh hưởng tích cực với công đồng, dự án sản xuất sản phẩm ngành công nghiệp hỗ trợ cho các ngành công nghiệp mũi nhọn thành phố Cần Thơ như chế biến nông, lâm, thủy sản; ngành dệt may và da giày; ngành cơ khí, ngành hóa chất, dược phẩm và phân bón; ngành điện tử, công nghệ thông tin. Trong trường hợp mức hỗ trợ hơn 500 triệu đồng/dự án, hợp đồng, Sở KH&CN và Sở Tài chính sẽ trình UBND thành phố phê duyệt.

d) Đối với dự án được thống nhất hỗ trợ, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ, thiết bị theo thuyết minh dự án được phê duyệt và thực hiện thủ tục thanh quyết toán theo quy định của Chương trình.

e) Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 2 (hai) dự án, hợp đồng/năm quy định tại điểm a, b, c mục 2, phần VII. Thời gian thực hiện mỗi mô hình, dự án không quá 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

VIII. HỒ SƠ, THỦ TỤC

1. Hồ sơ xét duyệt hỗ trợ:

⁽³⁾ áp dụng Thông tư liên tịch số 79/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ KH&CN, đồng thời có cân đối phù hợp từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ địa phương.

- a) Doanh nghiệp đề nghị thực hiện các dự án nộp các hồ sơ gồm:
- Phiếu đề nghị hỗ trợ từ Chương trình (theo mẫu).
 - Thuyết minh đề tài, dự án (theo mẫu).
 - Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy đăng ký kinh doanh (bản sao).
 - Các hồ sơ liên quan đến hoàn thành nghĩa vụ thuế của năm trước liền kề (bản sao).
 - Báo cáo quyết toán thuế của năm trước liền kề để xác minh tổng nguồn vốn hoặc tổng doanh thu (bản sao).
 - Các hợp đồng liên quan đến mua thiết bị, công nghệ (bản sao).
 - Các bản báo giá thiết bị, công nghệ.
- b) Các hồ sơ khác có liên quan (sau khi được phê duyệt):
- Hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có).
 - Các hợp đồng khác thực hiện các nội dung được phê duyệt (nếu có).
 - Các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm (nếu có).

2. Trình tự xét duyệt hỗ trợ:

Bước 1: Doanh nghiệp nộp phiếu đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án.

Bước 2: Sở KH&CN xem xét nội dung phù hợp với yêu cầu Chương trình thì khảo sát thực tế tại doanh nghiệp, thông báo và cung cấp mẫu viết thuyết minh dự án chi tiết (có trên website của Sở KH&CN) đến doanh nghiệp. Doanh nghiệp viết thuyết minh dự án và kèm hồ sơ liên quan, gửi 01 bộ hồ sơ hoàn chỉnh đến Sở KH&CN.

Bước 3: Sở KH&CN thành lập hội đồng tư vấn KH&CN (gồm 5 - 9 thành viên) là đại diện các cơ quan có liên quan, các chuyên gia tiến hành họp hội đồng xét duyệt hồ sơ dự án.

- Nếu không được hội đồng thông qua, doanh nghiệp không thực hiện các bước tiếp theo.

- Nếu dự án được hội đồng thông qua, thư ký hội đồng tổng hợp các ý kiến của thành viên hội đồng thành biên bản và gửi biên bản đến doanh nghiệp làm cơ sở chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự án.

Bước 4: Sau khi doanh nghiệp chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự án theo biên bản họp hội đồng gửi lại Sở KH&CN. Sở KH&CN thành lập tổ thẩm định nội dung, kinh phí dự án. Tổ thẩm định nội dung, kinh phí họp đánh giá các nội dung dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung và thẩm định phần kinh phí hỗ trợ dự án.

Bước 5: Doanh nghiệp chỉnh sửa, bổ sung dự án theo biên bản thẩm định nội dung kinh phí và gửi lại Sở KH&CN.

Bước 6: Sở KH&CN lập biên bản thẩm định dự toán kinh phí thực hiện dự án. Biên bản được Sở KH&CN và Sở Tài chính thống nhất phê duyệt. Nội dung biên bản nêu rõ phần vốn hỗ trợ và phần vốn của doanh nghiệp.

Sở KH&CN và Sở Tài chính thống nhất, trình UBND thành phố phê duyệt phần kinh phí hỗ trợ đối với dự án có mức hỗ trợ trên 500 triệu đồng.

Bước 7: Ký kết hợp đồng thực hiện dự án giữa Sở KH&CN và doanh nghiệp.

IX. THỦ TỤC CẤP PHÁT, THANH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ

1. Về phân cấp phê duyệt mức hỗ trợ:

a) Ủy quyền cho Giám đốc Sở KH&CN phê duyệt/ký hợp đồng với mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng đối với các dự án, hợp đồng được hội đồng KH&CN xét chọn xem xét, thống nhất hỗ trợ.

b) Giám đốc Sở KH&CN và Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt đối với các dự án, hợp đồng đã được hội đồng KH&CN xét chọn thống nhất hỗ trợ với mức hỗ trợ trên 500 triệu đồng.

2. Thủ tục cấp phát kinh phí:

a) Sở KH&CN ký hợp đồng hỗ trợ với doanh nghiệp có dự án được hội đồng xét duyệt thông qua. Việc ký hợp đồng hỗ trợ dựa trên các cơ sở sau đây:

- Đối với dự án có mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng: Biên bản thẩm định dự toán kinh phí thực hiện dự án được Sở Tài chính và Sở KH&CN thống nhất phê duyệt.

- Đối với dự án có mức hỗ trợ trên 500 triệu đồng: Văn bản phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện dự án của UBND thành phố và Biên bản thẩm định dự toán kinh phí thực hiện dự án được Sở Tài chính và Sở KH&CN thống nhất phê duyệt trình UBND thành phố.

- Thuyết minh dự án hoàn chỉnh được Sở KH&CN phê duyệt.

- Biên bản họp Hội đồng xét duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì dự án.

- Biên bản thẩm định nội dung kinh phí dự án.

- Chứng thư thẩm định giá kinh phí thực hiện dự án, bao gồm phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ và phần vốn đối ứng của doanh nghiệp. Chứng thư thẩm định giá làm cơ sở tính mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước. Chứng thư thẩm định giá do đơn vị thẩm định giá được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

b) Phương thức hỗ trợ.

Sở KH&CN tạm ứng lần 1 tối đa 30% kinh phí theo hợp đồng hỗ trợ và 70% kinh phí còn lại sau khi doanh nghiệp cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh quyết toán theo quy định tại khoản 3 dưới đây.

3. Tổ chức triển khai thực hiện dự án:

a) Sau khi nhận kinh phí hỗ trợ lần 1, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo thuyết minh dự án được phê duyệt (bao gồm nội dung được kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ).

b) Sở KH&CN có trách nhiệm kiểm tra tiến độ thực hiện dự án, lập hội đồng đánh giá nghiệm thu khi kết thúc dự án.

4. Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ:

a) Doanh nghiệp cung cấp các chứng từ liên quan đến hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị (bản sao công chứng) phù hợp nội dung dự án được duyệt, cụ thể:

- Hợp đồng liên quan đến mua thiết bị, công nghệ của doanh nghiệp ký với đơn vị cung cấp.

- Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

- Hóa đơn tài chính theo quy định.

b) Tài liệu nghiệm thu, quyết toán kinh phí đầu tư của dự án do Sở KH&CN tổ chức đánh giá.

5. Kiểm tra thực hiện:

Sở KH&CN chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành kiểm tra tại doanh nghiệp được hỗ trợ. Trong quá trình, kiểm tra nếu phát hiện doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định hỗ trợ thì dừng cấp phát kinh phí.

6. Xử lý vi phạm:

Doanh nghiệp bị phát hiện có hành vi gian lận để được hưởng hỗ trợ ưu đãi theo quy định này thì phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã được cấp và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời gian và phạm vi thực hiện Chương trình:

a) Thời gian thực hiện: từ năm 2018 đến năm 2020.

- Quý I năm 2018: Triển khai Chương trình được duyệt cho doanh nghiệp, sở, ngành, đơn vị liên quan.

- Từ quý I năm 2018 đến hết quý II năm 2020: Tiếp nhận, xét duyệt, nghiệm thu các dự án thuộc Chương trình.

- Quý III năm 2019: Sơ kết tình hình thực hiện Chương trình.

- Quý IV năm 2020: Tổng kết kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2018 - 2020 và đề xuất phương hướng triển khai chương trình giai đoạn 2021 - 2025.

b) Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn thành phố.

2. Thành lập Ban chỉ đạo Chương trình:

a) Thành phần Ban chỉ đạo Chương trình.

- Trưởng Ban: Giám đốc Sở KH&CN.

- Phó trưởng Ban: Bao gồm đại diện Lãnh đạo Sở KH&CN; Sở Công Thương.

- Các thành viên bao gồm: đại diện lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải, Khoa Công nghệ - Trường Đại học Cần Thơ; đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố Cần Thơ, Hội Doanh nhân trẻ thành phố Cần Thơ; 02 đại diện phòng phụ trách chuyên môn thuộc Sở KH&CN.

b) Nhiệm vụ ban chỉ đạo Chương trình.

- Quản lý việc xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động chung của Chương trình; quản lý các dự án thuộc Chương trình, gồm: các hoạt động liên quan đến việc phê duyệt dự án; kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án; nghiệm thu kết quả và quản lý kinh phí để thực hiện dự án.

- Triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền về Chương trình; hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết Chương trình; tổ chức nghiên cứu, khảo sát, học tập kinh nghiệm.

3. Trách nhiệm của Sở KH&CN:

a) Chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

b) Tham mưu UBND thành phố ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo Chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ, thiết bị giai đoạn 2018 - 2020.

c) Phối hợp với Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV thành phố Cần Thơ để hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp khó khăn trong nguồn vốn đầu tư tiếp cận với nguồn vốn vay ngân hàng.

d) Xây dựng và phê duyệt các biểu mẫu về hồ sơ đăng ký hỗ trợ, biểu mẫu phục vụ cho công tác tổ chức hội đồng xét duyệt, thẩm định các dự án, hội đồng nghiệm thu, biểu mẫu xét duyệt, quy trình hỗ trợ và các hướng dẫn khác.

e) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành thành phố, UBND quận, huyện tuyên truyền, phổ biến, xác định nhu cầu và hướng dẫn những nội dung thực hiện có liên quan đến việc hỗ trợ các dự án ứng dụng, hoàn thiện/đổi mới công nghệ, thiết bị cho doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên địa bàn toàn thành phố. Chú trọng tuyên truyền, hỗ trợ đối với doanh nghiệp nông thôn.

g) Lập hội đồng KH&CN để đánh giá xét duyệt, thẩm định các dự án đổi mới, cải tiến công nghệ của doanh nghiệp.

- Thông báo kết quả thẩm định mức hỗ trợ cho doanh nghiệp và thực hiện giám sát quá trình triển khai.

- Thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ theo quy định.

- Lập hội đồng để đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện dự án của các doanh nghiệp.

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết thực hiện Chương trình này.

4. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành thành phố, quận, huyện:

a) Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải phối hợp với Sở KH&CN trong việc tuyên truyền, hỗ trợ các doanh nghiệp hình thành ý tưởng, thực hiện triển khai các dự án đổi mới/hoàn thiện công nghệ, thiết bị thuộc phạm vi lĩnh vực của ngành mình; đồng thời tham gia hội đồng KH&CN.

b) Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở KH&CN tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí sự nghiệp KH&CN hàng năm và các nguồn khác cho hỗ trợ đổi mới công nghệ trên cơ sở cân đối nguồn ngân sách của địa phương.

c) Trách nhiệm của UBND quận, huyện: tuyên truyền, thông tin đến doanh nghiệp trên địa bàn tham gia Chương trình.

d) Báo Cần Thơ, Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ phối hợp với Sở KH&CN thông tin, tuyên truyền nội dung và kết quả thực hiện chương trình.

5. Trách nhiệm của các doanh nghiệp:

a) Lập nhu cầu hoàn thiện/đổi mới công nghệ (theo mẫu) và đăng ký với Sở KH&CN.

b) Tổ chức tiến hành triển khai dự án theo đúng nội dung, khối lượng, thời gian và kinh phí được thẩm định phê duyệt và ký hợp đồng.

c) Doanh nghiệp phải thực hiện chế độ báo cáo trong quá trình triển khai theo quy định.

d) Thực hiện theo đúng cam kết trong hợp đồng hỗ trợ doanh nghiệp, nếu có sai phạm thì phải hoàn trả phần kinh phí mà Sở KH&CN đã hỗ trợ.

6. Định kỳ hàng năm, Sở KH&CN báo cáo UBND thành phố về kết quả thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết vào quý III/2019 để có sự chấn chỉnh kịp thời; tổ chức tổng kết khi kết thúc Chương trình trong quý IV/2020 để đánh giá rút kinh nghiệm và đề xuất thực hiện trong thời gian tới./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Dũng